|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: VĂNKHỐI LỚP: 10TUẦN: 1/HK 2 (từ 20/1 đến 19/2) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

 **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**I.Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

 **Nội dung 1:** Phú sông Bạch Đằng.

 **Nội dung 2:** Bình Ngô đại cáo.

 **Nội dung 3:**Hiền tài là nguyên khí quốc gia.

\* Nguồn tài liệu cần có: SGK tập 2 hoặc SGK điện tử

**II.Hướng dẫn cụ thể cho từng nội dung:**

**1. Nội dung 1: Phú sông Bạch Đằng**

**1.1.Kiến thức cần ghi nhớ:**

 **1.1.1.Đọc SGK tr 3 để nắm được các thông tin về tác giả Trương Hán Siêu và về tác phẩm Phú sông Bạch Đằng.**

 **-**Tác giả Trương Hán Siêu là một danh nhân văn hóa của thời Trần,có cả tài năng về chính trị lẫn văn chương.

**-**Tác phẩm tiêu biểu cho dòng văn học yêu nước Lí -Trần và được xem là áng thiên cổ hùng văn trong lịch sử dân tộc Việt Nam.Bài phú dự đoán được viết sau ngày chiến thắng quân Nguyên Mông lần 2 khoảng 50 năm trong một lần dạo chơi của tác giả Trương Hán Siêu trên sông Bạch Đằng.

**1.1.2.Nội dung bài học:**

 **a. Đọc đoạn 1 từ “*Khách có kẻ…Tiếc thay dấu vết luống còn lưu****”*để tìm hiểu nhân vật khách.

 - Khách là tác giả Trương Hán Siêu.

 - Khách xuất hiện với những chuyến du ngoạn trên hai loại địa danh :

+ **Địa danh nổi tiếng trong điển cố Trung Quốc**: Nguyên Tương, Vũ Huyệt, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt, Vân Mộng \_ Nguyên, Tương: tên hai dòng sông, cảnh đẹp nổi tiếng của Trung Quốc;Vũ Huyệt: địa danh ở núi Cối Kê, tỉnh Chiết Giang ; Cửu Giang: tên một dòng sông do chín con sông nhỏ tạo thành ;

 Ngũ Hồ: năm hồ ; Tam Ngô: tên một vùng đất cũ của nước Ngô, bao gồm ba địa phương; Bách Việt: tên chung của các bộ phận người Việt cổ, sống ở phía Nam Trung Quốc;Vân Mộng: tên một vùng đầm nước rộng lớn. Đều là những cảnh đẹp, rộng lớn của Trung Quốc.

=>Đến với các địa danh này, tác giả du ngoạn trên sách vở và thông qua trí tưởng tượng của mình.

+ **Địa danh trực tiếp trên đất Việt**: cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng. Cửa Đại Than: tên cửa biển ;Bến Đông Triều: tên huyện, vùng Đất có sông Bạch Đằng 🡪 Du ngoạn thực tế .

=>Các địa danh khoáng đạt, rộng lớn, đẹp đẽ, ghi dấu son của lịch sử dân tộc.Các địa danh ấy hiện lên với hai đặc điểm:

**\* Thơ mộng hùng vĩ:**

*- Bát ngát sóng kình muôn dặm:* không gian rộng lớn, mênh mông, những con sóng lớn liên tiếp, liên tiếp trải dài đến vô tận ->Hùng vĩ

 *- Thướt tha đuôi trĩ một màu:*

+ Đuôi trĩ: hình ảnh những con thuyền nối đuôi nhau đi trên sông như những cái đuôi của con trĩ thướt tha

+ Thướt tha: mềm mại, duyên dáng, yểu điệu. ->Thơ mộng

-Nước trời một sắc, phong cảnh ba thu: sự chuyển tiếp sang cảnh sắc thứ hai

**\* Hoang vu, đìu hiu và lạnh lẽo**

- Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu: vút tầm mắt nhìn chỉ có bờ lau và bến lách, hai bên bờ hun hút chỉ có bờ lau nối tiếp bến lách

+ Hai từ láy cộng nghĩa, bổ trợ nghĩa cho nhau để làm rõ sự hoang vu, vắng vẻ.

 -Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô: nhìn sông mà liên tưởng đáy sông ấy toàn những vũ khí bỏ lại, những vũ khí hỏng sau những trận chiễn, nhìn gò mà liên tưởng tới nấm mồ của bao nhiêu người đã bỏ mạng trong trận chiễn. -> màu sắc thê lương.

=> Hình tượng khách hiện lên là người có tráng chí bốn phương, cũng là người có tâm hồn thơ mộng, khoáng đạt, ham du ngoạn. Du ngoạn với tâm thế tự nguyện và say sưa, “tiêu dao” thảnh thơi đi đây đi đó, không hề có chút vướng bận.

=> Mục đích của những chuyến du ngoạn:

 + Thưởng thức cảnh đẹp non sông

+ Nghiên cứu cảnh trí đất nước để bồi dưỡng kiến thức cho mình.Đây chính là mục đích của tác giả.Tác giả đã học theo Tư Mã Thiên – sử gia nổi tiếng của đời Hán Trung Quốc;Khách là sự phân thân của tác giả. Trong bóng dáng của khách ta thấy hình ảnh của Trương Hán Siêu

- Tâm trạng của khách:

+ Vui mừng trước cảnh đẹp của sông nước vừa hùng vĩ vừa thơ mộng.

+ Niềm tự hào trước dòng sông ghi dấu những chiến công lịch sử

+ Buồn thương, tiếc nuối,đứng lặng giờ lâu vì chiến trường xưa oanh liệt nay chỉ còn trơ trọi, hoang vu và hiu quạnh.

 => Tâm trạng có sự thay đổi từ hướng ngoại, phơi phới sôi nổi sang hướng nội buồn thương nuối tiếc trước sự chảy trôi của thời gian vô tình đã phủ màu lên cảnh cũ, người xưa.

**b. Hình tượng các bô lão với sự liên tưởng và trận chiến trên sông Bạch Đằng lịch sử**

- Các bô lão là nhân vật tập thể,họ có thể là hình ảnh thực của các bô lão mà tác giả gặp trên sông trong chuyến đến thăm sông Bạch Đằng,cũng có thể là sự hư cấu từ chính những tâm tư, tình cảm của tác giả.

->Các bô lão xuất hiện tạo nên tiếng nói đồng thanh với khách,một lòng ngưỡng vọng về những chiến tích của cha ông.Từ đó làm cho lời kể trở nên tự nhiên,sinh động.

-Các bô lão đón tiếp khách bằng thái độ nhiệt tình,hiếu khách “*Có kẻ gậy lệ chống trước/Có người thuyền nhẹ bơi sau/Vái ta mà thưa rằng”*

- Các bô lão theo sở cầu của khách đã kể lại trận chiến trên sông Bạch Đằng của *Trùng hưng nhị thánh bắt Ô Mã* và của *Ngô chúa phá Hoằng Thao.*

+ Chiến thắng của vua Trần Nhân Tông và Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông, Trần Hưng Đạo dẫn quân đánh thắng giặc Nguyên Mộng, bắt sống Ô Mã Nhi (tướng giỏi của Trung Quốc- nhà Nguyên)

+ Ngô Quyền đánh thắng Hoằng Thao (con trai vua Nam Hán – Lưu Cung).

🡪Qua đó,thể hiện niềm tự hào của các bô lão về dòng Sông Bạch Đằng lịch sử -dòng sông của những chiến công vang dội.

 **b.1. Kể lại chiến công trên sông Bạch Đằng**

**- Trận chiến mở màn hết sức gay cấn với tương quan về thế lực giữa ta và địch khá cân bằng:**

+Ta: *Thuyền bè muôn đội*

 *Tinh kì phấp phớ*

 *Hùng hổ sáu quân*

 *Giáo gươm sáng chói*

 ->Những con số ước lệ cùng với những từ ngữ phóng đại nhấn mạnh sự đông đảo,hùng hậu của quân ta.

+Địch: Thế rất mạnh “*Tất Liệt thế cường”*

 Mưu kế gian xảo “*Lưu Cung chước dối”.*

 Kiêu căng,hống hách khi tuyên bố “*Quét sạch nam bang bốn cõi”* .

 **- Diễn biến vô cùng ác liệt**

+ Không phân thắng bại “*Trận chiến được thua chửa phân/Mà chiến lũy Bắc Nam chống đối”.*

+ Khí thế tấn công ác liệt làm rung chuyển đất trời “*Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ /Bầu trời đất chừ sắp đổi”*-> Hình ảnh phóng đại làm cho tầm vóc trận đánh sánh ngang tầm vóc vũ trụ.

 **- Kết quả**: Ta chính nghĩa nên giành thắng lợi; địch phi nghĩa nên thất bại.Tác giả mượn hai điển tích để nhấn mạnh sự thất bại nhục nhã của giặc:

+ Trận Xích Bích: Chu Du dùng thế hỏa công của Gia Cát Lượng, đốt thuyền, đánh tan 82 vạn quân của Tào Tháo.

+ Trận Hợp Phì: Tạ Huyền đánh tan 100 vạn quân của Bồ Kiên

 🡪Tác giả đưa ra hai trận đánh nổi tiếng trong lịch sử, của hai người lỗi lạc trong lịch sử để nâng tầm vóc của chúng ta với những chiến công vang dội, chiến thắng hào hùng.

- **Nhận xét giọng điệu và nghệ thuật kể chuyện của các bô lão:**

 + Giọng điệu: nhiệt huyết, tự hào ->Trận chiến được kể lại sinh động.

 + Nghệ thuật kể chuyện: các bô lão dùng hình ảnh phóng đại, các điển cố, điển tích ->Nâng tầm vóc của chiến thắng, chiến côngai trò và đức độ của con người.

**b.2. Các bô lão bình luận về chiến thắng trên sông Bạch Đằng**

**- Các bô lão đã thể hiện những suy ngẫm về nguyên nhân ta thắng, địch thua**:

+ Thời thế thuận lợi (thiên thời): “Trời cũng chiều người”.

+ Địa thế núi sông (địa lợi): “Trời đất cho nơi hiểm trở”.đó là hình sông dáng núi hiểm trở, ta có thể dựa vào địa hình đó mà thắng giặc ở trận Chi Lăng, Bạch Đằng, Hàm Tử

+ Con người- người tài, có đức lớn là những nhân vật xuất chúng, đủ sức đảm đương gánh nặng mà đất nước giao phó. Họ có thể sánh ngang với Vương sư họ Lã, quốc sĩ họ Hàn

🡪Trong các yếu tố trên thì yếu tố con người giữ vai trò quyết định quan trọng nhất đến thắng lợi. Trong đó người lãnh đạo phải có tư tưởng chiến lược sáng suốt bình tĩnh chủ động trong chỉ đạo kháng chiến. Đó là hình ảnh Trần Hưng Đạo:

Kìa Bạch Đằng mà đại thắng

Bởi Đại Vương coi thế giặc nhàn.

 **-Các bô lão cất lời ca mang ý nghĩa tổng kết:**

+ Quy luật của tự nhiên: sông Bạch Đằng luôn chảy và đổ ra biển Đông.

+ Quy luật của cuộc đời: những người lưu đức thì lưu danh,còn những kẻ bất nhân thì sẽ bị hủy diệt)

**3. Lời ca – lời bình luận của khách**

 - Khách cất lên lời ca như sự hô ứng với lời ca của các vị bô lão

 - Nội dung của lời ca:

 + Cụ thể hóa chân lí của các bô lão đã bình luận ở trên: anh hùng lưu danh ở đây chính là hai vị thánh quân anh minh: Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông sẽ lưu danh muôn thuở, tiếng thơm lưu truyền mãi mãi.

 + Ca ngợi dòng sông Bạch Đằng lịch sử ghi dấu những chiến công anh hùng suốt chiều dài lịch sử đất nước.

 + Khẳng định vai trò của con người, đặc biệt là yếu tố “đức cao”. “Đức cao” là nguồn sức mạnh vô biên làm nên chiến thắng trên sông Bạch Đằng.

**1.1.3.Đánh giá.**

- Bài phú thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc trước những chiến công trên sông Bạch Đằng; ca ngợi truyền thống anh hùng bất khuất, truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc;thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp đề cao vị trí của con người trong lịch sử.

**-**Cấu tứ đơn giản,bố cục chặt chẽ,lời văn linh hoạt;hình tượng nghệ thuật sinh động;ngôn từ hào sảng,trang trọng gợi nhiều cảm xúc.

**1.2.Luyện tập:**

**1.2.1.Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1 :**Văn bản ***Phú sông Bạch Đằng*** được Trương Hán Siêu sáng tác khi nào ?

A. Khi nhà Trần bắt đầu có dấu hiệu suy thoái.

B. Khi nhà Trần đang cường thịnh.

C. Khi nhà Trần vừa đạnh thắng quân Nguyên-Mông.

D. Khi nhà Trần vừa củng cố lại chính quyền.

**Hiển thị đáp án**

**Câu 2 :**Dòng nào **không đúng** khi nói về giá trị nội dung của bài ***Phú sông Bạch Đằng*** ?

A. Thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

B. Ca ngơi truyền thống anh hùng, nhân nghĩa của đân tộc.

C. Thể hiện khát vọng đất nước thái bình, thịnh trị.

D. Chứa đựng tư tưởng nhân văn cao đẹp.

**Hiển thị đáp án**

**Câu 3 :**Dòng nào dưới đây nói đúng nguồn gốc, đặc điểm thể loại của bài ***Phú sông Bạch Đằng*** ?

A. Được đặt ra từ thời cổ xưa, thường làm theo lối văn biền ngẫu.

B. Được đặt ra từ thời Đường, có vần, có đối, có luật bằng trắc chặt chẽ.

C. Được đặt ra từ thời Tống, tương đối tự do, dùng câu văn xuôi.

D. Có trước thời Đường, có vần, không nhất thiết phải có đối, cuối bài thường được kết lại bằng thơ.

**Câu 4 :**Văn bản ***Phú sông Bạch Đằng*** có mấy nhân vật ?

A. Hai ; B. Bốn ; C. Năm ; D. Ba

**Câu 5 :**Tâm trạng nhân vật “khách” trong bài ***Phú sông Bạch Đằng*** là gì?

A. Say mê vẻ đẹp thiên nhiên B. Ngậm ngùi, nuối tiếc

C. Tự hào, sảng khoái D. Vừa vui, tự hào vừa buồn đau

**Câu 6 :**Câu ***Anh minh hai vị thánh quân*** để nuối tiếc chỉ ai?

A. Ngô Quyền, Trần Nhân Tông B. Trần Nhân Tông, Trần Hưng Đạo

C. Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông D. Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo

**Câu 7 :**“***Phú sông Bạch Đằng***” thuộc loại gì?

A. Văn phú B. Luật phú C. Bài phú D. Cổ phú

**Câu 8 :**Địa danh nào thuộc lãnh thổ Việt Nam ?

A. Nguyên, Tương B. Ngũ Hồ C. Đại Than D. Cửu Giang

**Câu 9 :**Bài ***Phú sông Bạch Đằng*** có nói tới yếu tố nào?

A. Thiên thời, địa lợi B. Thiên thời, địa lợi, nhân hòa

C. Thiên thời, nhân hòa D. Địa lợi, nhân hòa

**Câu 10 :**Nhận định nào nói chính xác nhất bút pháp và dụng ý của việc nhắc đến các danh thắng nổi tiếng của Trung Quốc trong đoạn đầu bài phú?

A. Dùng lối tả thực để ca ngợi cảnh đẹp Trung Hoa.

B. Dùng lối tả thực để ca ngợi cảnh đẹp Việt Nam.

C. Dùng lối tả thực để so sánh cảnh đẹp Trung Hoa với cảnh đẹp Việt Nam.

D. Dùng tưởng tượng, biểu tượng để nói về thú ngao du sơn thủy.

**Câu 11 :**Văn bản ***Phú sông Bạch Đằng*** toát lên nội dung gì?

A. Hoài cổ B. Đề cao chiến tích sông Bạch Đằng

C. Nội dung yêu nước và tư tưởng nhân văn

D. Hoài cổ và yêu nước

**Câu 12 :**Nhân vật “khách” hiện lên trong đoạn đầu bài phú là người mang cốt cách của:

A. Một kẻ giang hồ lãng tử, muốn rũ bỏ mọi vướng bận của cuộc đời.

B. Một người chuyên đi tìm kiếm vẻ đẹp của một thời đã qua.

C. Một kẻ ẩn dật, tìm đến thiên nhiên để lánh xa cuộc đời.

D. Một người thích du ngoạn khắp nơi để thỏa mãn tráng chí của mình.

**Câu 13 :**Đặc sắc nghệ thuật của bài ***Phú sông Bạch Đằng*** là gì?

A. Bố cục chặt chẽ, cấu tứ đơn giản mà hấp dẫn.

B. Lời văn linh hoạt, vừa trang trọng vừa gợi cảm.

C. Hình tượng kì vĩ, bút pháp ước lệ tượng trưng.

D. Tất cả đều đúng.

**2. Nội dung 2: Bình Ngô đại cáo.**

**2.1.Kiến thức cần ghi nhớ.**

**2.2.1. Nắm được các thông tin về tác gỉa Nguyễn Trãi và tác phẩm Bình Ngô đại cáo.**

- **Tác giả:**Nguyễn Trãi là một nhà quân sự ,một nhà chính trị, một nhà văn hóa lớn của dân tộc.Không chỉ thế,Nguyễn Trãi còn là một nhà văn,nhà thơ lớn có nhiều đóng góp cho nền văn học nước nhà.

**-Tác phẩm:** Vàonăm 1427,sau khi tiêu diệt và đại thắng 15 vạn viện binh của giặc,Vương Thông đành phải giảng hòa và rút quân về nước.Trong bối cảnh đó, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết bài Bình Ngô đại cáo để bố cáo cho nhân dân cả nước sự nghiệp bình Ngô đã giành thắng lợi.Bình Ngô đại cáo đã khơi dậy tinh thần yêu nước,lòng tự hào dân tộc,khát vọng hòa bình,Ý chí bất khuất trên con đường đấu tranh bảo vệ đất nước….

**2.2.2.Nội dung bài học :**

**a.Đoạn 1** : **Luận đề nhân nghĩa.**

**a.1.Tư tưởng nhân nghĩa**

- Theo quan niệm của đạo Nho: nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí.Đó cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN
-Theo Nguyễn Trãi: nhân nghĩa chủ yếu để yên dân và trừ bạo
-> Đây là tư tưởng mới mẻ với quan điểm lấy dân làm gốc. Đây cũng là cơ sở để bóc trần luận điệu xảo trá của giặc Minh (phù Trần diệt Hồ giúp Đại Việt). Khẳng định lập trường chính nghĩa của ta và tính chất phi nghĩa của kẻ thù xâm lược.
Đặt trong hoàn cảnh Nguyễn Trãi viết Bình Ngô đại cáo thì người dân mà tác giả nói tới là người dân Đại Việt đang bị xâm lược, còn kẻ thù tàn bạo chính là giặc Minh cướp nước. Như vậy, với Nguyễn Trãi, nhân nghĩa gắn liền với yêu nước, chống ngoại xâm.

**a.2.Quan niệm về quốc gia độc lập:**
– Nguyễn Trãi đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền của dân tộc : nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, lịch sử riêng, chế độ riêng.
– Với những yếu tố căn bản này, Nguyễn Trãi đã phát triển một cách hoàn chỉnh quan niệm về quốc gia, dân tộc.
– Người đời sau vẫn xem quan niệm của Nguyễn Trãi là sự kết tinh học thuyết về quốc gia, dân tộc. So với thời Lý học thuyết đó phát triển cao hơn bởi tính toàn diện và sâu sắc của nó.
+ Toàn diện vì ý thức về dân tộc trong : Nam quốc sơn hà được xác định chủ yếu trên hai yếu tố : lãnh thổ và chủ quyền, còn đến Bình Ngô đại cáo, ba yếu tố nữa được bổ sung : văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử.
+ Sâu sắc vì trong quan niệm về dân tộc, Nguyễn Trãi đã ý thức được ‘văn hiến’, truyền thống lịch sử là yếu tố cơ bản nhất là hạt nhân để xác định dân tộc. Vả chăng sự sâu sắc của Nguyễn Trãi còn thể hiện ở chỗ : điều mà kẻ xâm lược luôn tìm cách phủ định (văn hiến nước Nam) thì chính lại là thực tế, tồn tại với sức mạnh của chân lí khách quan.
**a.3. Nghệ thuật của đoạn văn:**
- Tác giả sử dụng những từ ngữ thể hiện tính chất hiển nhiên, vốn có, lâu đời của nước Đại Việt độc lập, tự chủ. Bản dịch đã cố gắng lột tả bằng các từ ‘từ trước’, ‘vốn có’, ‘đã lâu’, ‘đã chia’, ‘cũng khác’ (Nguyên văn : ‘duy ngã …’, ‘thực vi … ‘, ‘kỳ thù’, ‘diệc dị’).
- Sử dụng biện pháp so sánh : so sánh ta với Trung Quốc, đặt ta ngang hàng với Trung Quốc, ngang hàng về trình độ chính trị, tổ chức chế độ, quản lí quốc gia (Triệu, Đinh, Lý, Trần ngang hàng với Hán, Đường, Tống, Nguyên).
- Câu văn biến ngẫu cân xứng, nhịp nhàng.
- Cách lập luận kết hợp hài hòa giữa lí luận và thực tiễn.

🡪Đoạn văn xứng đáng là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc Đại Việt.

**b.Tố cáo tội ác của giặc Minh**: Bản cáo trạng được trình bày theo trình tự rất logic

\*Đứng trên lập trường dân tộc để tố cáo âm mưu cướp nước của giặc Minh.Dùng những từ ngữ “nhân”, “thừa cơ” ->vạch trần luận điệu bịp bợm của nhà Minh “phù Trần diệt Hồ”thực ra chỉ là cái cớ để thực hiện dã tâm xâm lược nước ta.

**\* Đứng trên lập trường nhân bản, nhân nghĩa để (đứng về phía quyền sống của người dân vô tội) để tố cáo chủ trương cai trị phản nhân đạo của kẻ thù**

- Hủy hoại cuộc sống của con người:

+ Bằng hành động diệt chủng vô cùng tàn bạo.

*“ Nướng dân đen trên ngọn lử hung tàn /Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”.*

+Đẩy những người dân vô tội vào chỗ chết:

*“Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.
 Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc.”*

 -Chúng vơ vét hết mọi tài sản của nhân dân ta từ vật chất,đến sức người,sức của bằng nhiều chính sách:

+ Chính sách thuế khóa,cống nạp nặng nề :

“*Nặng thuế khóa sạch không đầm núi”…*

*Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng.
Nhiễu nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.*

+ Chính sách phu phen tạp dịch:“*Nay xây nhà ,mai đắp đất,chân tay nào phục dịch cho vừa”.*

+ Tàn phá cả nghề sản xuất truyền thống của đất nước ta là nghề trồng dâu nuôi tằm“*Tan tác cả nghề canh cửi”.*

-Chúng còn hủy hoại cả môi trường sinh thái,triệt đường sống của muôn loài *“Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ”*

=>Kẻ thù đã gây tội ác cho nhân dân ta trên mọi phương diện.Tội ác của kẻ thù khiến trời không dung, đất không tha “*Lẽ nào trời đất dung tha/ Ai bảo thần nhân chịu được?”* Câu hỏi vang lên như một lời cảnh cáo, cũng thể hiện niềm đau xót của tác giả trước thảm cảnh của nhân dân.

**\*Nghệ thuật viết cáo trạng của tác giả**

- Nghệ thuật tương phản, đối lập giữa ta và địch:

 Ta thì điêu linh ,đói khổ ><Tàn bạo, man rợ của kẻ thù

- Sử dụng những hình tượng giàu giá trị gợi tả và gợi cảm: Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội, Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi.

 + “Trúc Nam Sơn” vô cùng vô tận nhưng không đủ ghi hết tội ác kẻ thù.

 + Nước biển Đông tuy lớn nhưng không rửa sạch được tội ác kẻ thù .Tác giả dùng cái vô cùng của tự nhiên để nói về cái vô tận của tội ác kẻ thù.

- Giọng văn

+ Có lúc thống thiết, đau đớn, xót xa (khi nói về thảm cảnh của nhân dân)

+ Có lúc đanh thép (khi kết tội kẻ thù) Lẽ nào trời đất dung tha Ai bảo thần nhân chịu được?

 **c. Kể lại 10 năm chiến đấu và chiến thắng:**

 **c.1. Lược thuật buổi đầu kháng chiến:**

 \*Khắc họa người anh hùng Lê Lợi: làm nổi bật đời sống tâm lý của người anh

hùng.

 \* Nét độc đáo ở người anh hùng Lê Lợi là sự kết hợp và thống nhất giữa một con

người bình thường và một lãnh tụ nghĩa quân:

-Bình thường ở nguồn gốc xuất thân“*Núi Lam Sơn dấy nghĩa/Chốn hoang dã nương mình*”🡪 Lê Lợi xuất thân trong một gia đình quân trưởng ở vùng núi Lam Sơn ,

Thanh Hóa vì dân mà dựng cờ khởi nghĩa.

-Phẩm chất của một lãnh tụ:

+ Lòng căm thù giặc sâu sắc *“Ngẫm thù lớn há đội trời chung, Căm giặc nước thề không cùng sống”.*

 + Quyết tâm cao thực hiện lí tưởng cứu nước “Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời; Nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. /Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh; /Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kĩ./ Những trằn trọc trong cơn mộng mị, Chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi”.

+ Biết coi trọng nhân tài “*Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông; Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả”*.

+ Coi trọng vai trò của nhân dân và biết tập hợp sức mạnh của nhân dân *“Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới”*

 + Khả năng thu phục lòng người tạo nên khối đoàn kết lớn mạnh “*Tướng sĩ một lòng phụ tử/ Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”.*.

+ Sự tài trí, mưu lược là yếu tố không thể thiếu ở người lãnh tụ này “*Thế trận xuấ kì/ Dùng quân mai phục.”*

🡪Lê Lợi là linh hồn của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

 **c.2.Hoàn cảnh nổ ra cuộc kháng chiến:**

 **-Khó khăn:**

**+**Cuộc kháng chiến nổ ra vào lúc quân địch còn mạnh,tương quan lực lượng

không có lợi cho ta “*Vừa khai cờ nghĩa dấy lên/Chính lúc quân thù đang mạnh”*

+Thiếu người tài giỏi làm chỉ huy “*Tuấn kiệt như sao buổi sớm/Nhân tài như*

*là mùa thu”.*

*+*Thiếu lương thực,quân sĩ,hậu cần *“Khi linh sơn lương hết mấy tuần qua/Khi khôi huyện quân không lấy một đội”*

**-Thuận lợi:**

**+**Có tinh thần đoàn kết toàn dân.

+Có chiến lược và chiến thuật phù hợp*“ Thế trận xuất kì…Dùng quân mai*

*phục”.*

+Có đại nghĩa làm nòng cốt “*Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/Lấy chí nhân để thay cường bạo”.*

=>Như vậy cuộc khởi nghĩa nổ ra vào lúc quân ta gặp rất nhiều khó khăn.Dù vậy

 ta cũng có những thuận lợi cơ bản,chỉ chờ có cơ hội quân ta sẽ nổi dậy tấn công và giành thắng lợi vẻ vang.

 **c2. Lược thuật những chiến thắng:**

 **- Bồ Đằng- Trà Lân:**

 + Hai trận mở màn cho giai đoạn phản công.

 + Hai trận đánh bất ngờ, mạnh mẽ và quyết liệt.

→ Ân dụ + miêu tả sắc sảo, ngắn gọn nhưng bất ngờ, mạnh mẽ và quyết liệt.

 **- Trận Ninh Kiều- Tốt Động** → Ác liệt, hậu quả đau thương.

 **- Trận Chi Lăng- Xương Giang:**

 + Địch: hai đạo quân mạnh, 2 tên tướng giỏi, thời gian liên tiếp→ lực lượng mạnh như 2 gọng kìm, vững chắc như bức tường thành → sức mạnh tuyệt đỉnh.

 + Ta: Chặt mũi tiên phong, cắt chi viện → cách dụng bình tài tình, chậm chắc và đạt hiệu quả.

 + Cách ngắt nhịp: có tính chất đối, ngắt nhịp sau tạo sự bất ngờ.

 + NT tương phản: sức mạnh của ta: hào hùng, mạnh mẽ được sánh ngang hàng

với trời đất và vũ trụ >< Hình ảnh quân thù: hèn nhát, nhục nhã, đau thương

 **d. Tuyên bố nền hòa bình của dân tộc:**

 - Tuyên bố nền độc lập dân tộc, chủ quyền của đất nước một cách trịnh trọng và

trang nghiêm. Lời tuyên ngôn độc lập và hòa bình trang trọng, hùng hồn trong không gian, thời gian mang chiều kích vũ trụ vĩnh hằng.

 - Qua lời tuyên bố nói lên được sức mạnh truyền thống, công lao của tổ tiên và quy luật thịnh suy mang đậm triết lí phương Đông:

 *“Những người bất nghĩa tiêu vong*

 *Nghìn năm chỉ có anh hùng lưu danh*” và “*chính nghĩa luôn thắng phi nghĩa*” qua đó để khẳng định niềm tin và sự quyết tâm xây dựng đất nước của toàn dân tộc.

 e.Đánh giá:

 **- Nghệ thuật**: Bút pháp anh hùng ca đậm chất sử thi với các thủ pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, tương phản, liệt kê; giọng văn biến hóa linh hoạt, hình ảnh sinh động, hoành tráng.

 **-Nội dung**: Bản anh hùng ca tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm

lược gian khổ mà hào hùng của quân dân Đại Việt; bản TN Độc lập sáng chói tư tương nhân nghĩa yêu nước và khát vọng hòa bình.

 **2.2. Luyện tập:**

**Câu 1.**Vì sao đoạn mở đầu của bài cáo có ‎ nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập? **Câu 2.**Tìm những chi tiết tái hiện giai đoạn khó khăn buổi đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.Lê Lợi đã vượt qua bằng cách nào?

 **------------------HẾT--------------------------**

**3. Nội dung 2: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia.**

**3.1.Kiến thức cần ghi nhớ.**

**3.1.1. Nắm được các thông tin về tác gỉa Thân Nhân Trung và tác phẩm *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia.***

- **Tác giả:** Thân Nhân Trung (1418 - 1499), tự là Hậu Phủ, người làng Yên Ninh, huyện Yên Dũng, Bắc Giang.Ông là một nhà trí thức, người nổi tiếng về văn chương, được vua Lê Thánh Tông tin dùng.

-**Tác phẩm:** do Thân Nhân Trung soạn năm 1484,là một trong 82 bài văn bia ở Văn Miếu(Hà Nội).Tác phẩm khẳng định vai trò quan trọng của hiền tài đối với đất nước.

**3.1.2.Nội dung chính:**

**a. Vai trò quan trọng của hiền tài:**

- Hiền tài là nguyên khí của quốc gia:

+ Hiền tài: người có tài cao, học rộng và có đạo đức.

+ Nguyên khí: khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của sự vật.

" Người tài cao, học rộng, có đức độ là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội.

" Hiền tài có quan hệ lớn đến sự thịnh – suy của đất nước.

- Phương pháp lập luận: diễn dịch.

- Luận điểm được triển khai qua cách so sánh đối lập:“Nguyên khí thịnh thì đất nước thịnh,nguyên khí yếu thì đất nước yếu”

🡪 Khẳng định tính chất rõ ràng, hiển nhiên của chân lí.

**b. Những việc làm khuyến khích hiền tài của các thánh đế minh vương:**

- Những việc đã làm:

+ Đề cao danh tiếng, xướng danh, ghi tên ở bảng vàng.

+ Ban chức tước.

+ Ban yến tiệc...

🡪Tất cả những việc này " *Chưa đủ vì danh tiếng của hiền tài mới chỉ được vang danh ngắn ngủi, lẫy lừng một thời mà không lưu truyền được lâu dài*”.

- Việc sẽ làm: Khắc bia tiến sĩ.

**c. Ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ:**

- Khuyến khích hiền tài: kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn, hâm mộ, ra sức rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua, giúp nước.

- Ngăn ngừa điều ác, kẻ ác, ý xấu bị ngăn chặn, lòng thiện tràn đầy, kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện xem đó mà cố gắng.

- Dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, góp phần rèn rũa danh tiếng cho sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch cho đất nước.

**d.Đánh giá:**

-Nghệ thuật: lập luận chặt chẽ,giàu sức thuyết phục.

-Nội dung:Tác phẩm khẳng định vai trò quan trọng của hiền tài đối với sự tồn vong của đất nước.Đồng thời bài văn bia cũng nêu rõ những chính sách trọng đãi của nhà nước để khích lệ hiền tài ra giúp nước.

- Bài học lịch sử rút ra:

+ Ở thời đại nào “hiền tài” cũng là “nguyên khí của quốc gia” " phải biết quý trọng hiền tài.

+ Hiền tài có mối quan hệ sống còn đối với sự thịnh- suy của đất nước.

+ Sự đúng đắn trong quan điểm của nhà nước ta: Giáo dục là quốc sách hàng đầu.

**3.2. Luyện tập:**

**Câu 1.**Hiền tài có vai trò quan trọng như thế nào đối với mỗi quốc gia.Nhà nước phong kiến đã làm gì để trọng đãi hiền tài?

**Câu 2.**Việc khắc bia tiến sĩ có ‎ý nghĩa và tác dụng gì?

 **HẾT**